

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 216/2020/QĐST– HNGĐ

Tam Bình, ngày 12 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 307/2020/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Hồng N, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1980

Nơi ĐKKHKT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Hồng N và anh Nguyễn Việt H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Anh H đồng ý giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/5/2005 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh ngày 12/02/2013 cho chị N tiếp tục trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 10/5/2005 và cháu Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh ngày 12/02/2013 mỗi tháng bằng 1.000.000^d/tháng/01 cháu cho đến khi cháu T1 và cháu T2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Lê Hồng N và anh Nguyễn Việt H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để xem xét.

- *Về nợ chung*: Chị Lê Hồng N và anh Nguyễn Việt H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra để xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Lê Hồng N tự nguyện nộp 150.000^d (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và tự nguyện nộp thay cho anh Nguyễn Việt H 150.000^d (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền mà chị N đã nộp tạm ứng án phí là 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010290 ngày 30/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Dương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Sương